TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2017.
V/v tranh chấp:"Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY - TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Trà.
Bà Lý Thị Bé Năm.

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 162/2017/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2017 về việc tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2017/QĐXX-ST ngày 03/7/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: A, sinh năm 1994; (có văn bản yêu cầu được vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang;
Nơi ở hiện nay: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: B, sinh năm 1993; (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn A trình bày: Giữa chị A và anh B kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn ngày 07/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh B không lo làm ăn, thường nhậu say và đánh đập chị, không chăm lo cho gia đình, chị đã khuyên bảo nhưng anh B vẫn không thay đổi, hai bên có hàn gắn nhiều lần nhưng không thỏa thuận được gì với nhau. Chị A và anh B đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay thời điểm hiện tại năm 2017, cuộc sống vợ chồng tự ai nấy lo, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị A yêu cầu được ly hôn anh B.

Về con chung: Có 01 con chung C, sinh ngày 07/5/2014, hiện nay con chung đang sống cùng anh B, khi ly hôn chị A đồng ý giao con chung cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị A không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn B vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, chị A có văn bản yêu cầu vắng mặt, anh B vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A về quan hệ hôn nhân, con chung và phải chịu án phí hôn nhân theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị A thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp *"Ly hôn"* được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án, hòa giải và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị A, anh B theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự chị A có văn bản yêu cầu vắng mặt, anh B vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân Sự xét xử vắng mặt chị A, anh B.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị A yêu cầu được ly hôn anh B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Giữa chị A và anh B kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn ngày 07/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh B không lo làm ăn, thường nhậu say và đánh đập chị, không chăm lo cho gia đình, chị đã khuyên bảo nhưng anh B vẫn không thay đổi, hai bên có hàn gắn nhiều lần nhưng không thỏa thuận được gì với nhau. Chị A và anh B đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay thời điểm hiện tại năm 2017, cuộc sống vợ chồng tự ai nấy lo, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau;

Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B nhưng anh B vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu này của chị A. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì xem như anh B không có phản đối gì đối với yêu cầu của chị A được ly hôn anh B.

Vì thế Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị A và anh B không còn hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị A.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị A về con chung và cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Giữa chị A và anh B có 01 con chung C, sinh ngày 07/5/2014, hiện nay con chung đang sống cùng anh B, khi ly hôn chị A đồng ý giao con chung cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị A không cấp dưỡng nuôi con;

Tòa án nhân dân thị xã P đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B nhưng anh B vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu này của chị A. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì xem như anh B không có phản đối gì đối với yêu cầu của chị A việc chị A đồng ý tiếp tục giao con chung cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị A không không cấp dưỡng nuôi con chung;

Vì thế Hội đồng xét xử nhận thấy để đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung cho nên chấp nhận yêu cầu của chị A tiếp tục giao con chung C, sinh ngày 07/5/2014 cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị A không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Tiền Giang: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A về quan hệ hôn nhân, con chung và phải chịu án phí hôn nhân theo quy định. Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ các điều 92, 147, 220, 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị A. Chị A được quyền ly hôn anh B.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung C, sinh ngày 07/5/2014 cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng;

Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con;

Chị A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp là 300.000

đồng theo biên lai thu số 0000789 ngày 17/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm; Đối với chị A, anh B vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
TAND tỉnh Tiền Giang;
VKSND thị xã P;
Chi cục THADS thị xã P;
Các đương sự;
UBND xã
Lưu: HS, AV

Trương Vĩnh Hữu